

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đây.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn N, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã OLV, huyện CP, tỉnh AG vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời

gian gần đây bà Đ thường bỏ nhà ra đi vài ba tháng mới về một lần; đến năm 2018 thì bà Đ bỏ nhà ra đi cho đến nay và chung sống với người đàn ông khác. Nay ông N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Ông N và bà Đ có 04 con chung tên Bùi Thị Tuyết Mai, sinh năm 1995; Bùi Thị Thanh Ngân, sinh năm 1997; Bùi Thị Thoại M, sinh ngày 14/5/2005 và Bùi Hữu Ph, sinh ngày 06/02/2007. Hiện con chung tên Mai và Ngân đã trưởng thành và có việc làm ổn Đ; con chung tên M và Ph còn đang đi học, đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên M và Ph, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên M và Ph; không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Về người tên Bùi Thị B, sinh ngày 09/11/1991 ghi trong Sổ hộ khẩu của ông N, là con riêng của bà Đ nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Đ cho rằng không có chung sống với người đàn ông khác như ông N khai, sự việc chỉ do hiểu lầm. Quá trình chung sống, ông N có đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà Đ không muốn tiếp tục chung sống với ông N, đồng ý ly hôn. Về con chung, đồng ý giao con chung tên Bùi Thị Thoại M và Bùi Hữu Ph cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo Ph luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Bùi Thị Thoại M và Bùi Hữu Ph cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; ông N không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng cho các con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông N và bà Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã OLV ngày 30/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Đ được Ph luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông N và bà Đ có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Đ vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục yêu cầu ly hôn, bà Đ đồng ý ly hôn với ông N, do không thể tiếp tục chung sống.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa ông N và bà Đ đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N ly hôn với bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

[3.1] Ông N và bà Đ có 04 con chung tên Bùi Thị Tuyết Mai, sinh ngày 10/8/1995; Bùi Thị Thanh Ngân, sinh ngày 05/02/1997; Bùi Thị Thoại M, sinh ngày 14/5/2005 và Bùi Hữu Ph, sinh ngày 06/02/2007. Hiện nay con chung tên Mai và Ngân đã trưởng thành và có khả năng lao động được, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung tên M và Ph còn đang đi học, đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng; ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con. Tại phiên tòa, bà Đ thống nhất giao các con tên M và Ph cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông N là người trực tiếp nuôi con; con chung tên M và Ph có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông N. Hiện nay ông N đang có chỗ ở ổn định, có thu nhập đảm bảo cuộc sống gia đình;

con chung tên M và Ph đều đang đi học tại địa phương. Để tạo điều kiện cho các con ổn Đ về tâm lý, chỗ ở, học tập và sự phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên M và Ph cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy Đ tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Ông N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Đ trong việc thăm Nm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết Đ thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy Đ của Ph luật.

[3.5] Trong Sổ hộ khẩu do ông N làm chủ hộ có ghi tên Bùi Thị B, sinh ngày 09/11/1991, mối quan hệ là con của chủ hộ. Tuy nhiên, cả ông N và bà Đ đều thống nhất đây là con riêng của bà Đ, đã thành niên và có khả năng lao động được. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bùi Văn N ly hôn với bà Trần Thị Đ.

2. Về con chung:

- Ông Bùi Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Thoại M, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2005 và Bùi Hữu Ph, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2007.

- Bà Trần Thị Đ không phải cấp dưỡng cho con chung tên Bùi Thị Thoại M và Bùi Hữu Ph, do ông N không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng.

- Ông Bùi Văn N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trần Thị Đ trong việc thăm Nm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết Đ thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy Đ của Ph luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003571 ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện Châu Phú;
 - CCTHADS huyện Châu Phú;
 - UBND xã OLV
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh